

Bản án số: **162/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 20/05/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH**  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Lưu Thị Hà**

Ông **Hoàng Văn Tiến**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Hằng** – Thư ký

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** ông **Bùi Bách Thành** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 604/2023/HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 04 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HPT ngày 26/04/2024, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị C, sinh năm: 1980; HKTT: VV, Long Biên, Hà Nội; Hiện ở tại: số D, phường D, Long Biên, Hà Nội (có mặt).

\* **Bị đơn:** Anh Vũ Quốc T, sinh năm: 1977; HKTT và ở tại: Tổ O, phường V, Long Biên, Hà Nội (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* **Theo đơn khởi kiện; các bản tự khai ngày 08/01/2024; Biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/03/2024; Biên bản không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 08/04/2024 nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:**

- Về tình cảm: Chị và anh Vũ Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu và có sự đồng ý của hai gia đình, lễ cưới tổ chức ngày 19/03/2003. Đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 04 năm 2003 tại UBND xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, chị về ở cùng anh T tại tổ 1, phường Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội vợ chồng sống hạnh phúc được hai năm thì có mâu thuẫn nên chị chuyển về Hưng Yên sinh sống còn anh T vẫn sống và làm việc tại địa chỉ trên. Đến năm 2009 sau khi sinh con thứ hai thì chị chuyển lên Hà Nội đoàn tụ cùng anh T, cả hai vợ chồng không có công việc ổn định nên phải đi thuê nhà tại phố Ô Cách, quận Long Biên, Hà Nội để ở. Anh T tuy không có công việc ổn định nhưng thường xuyên theo bạn bè đi chơi khắp nơi, không đưa tiền hỗ trợ chị nuôi con cũng như lo cho kinh tế gia đình. Năm 2011 anh T nợ nần khắp nơi nên đã lấy đất của chị gái chị để đi cầm cố dẫn tới vợ chồng và gia đình vợ có mâu thuẫn. Anh T không hỏi cái mà thường xuyên vắng nhà dài ngày không có lý

do, kinh tế gia đình hoàn toàn do chị gánh vác chính vì thế mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không chịu nổi cuộc sống tù túng về mọi mặt nên chị đã chuyển đi chỗ khác ở. Từ năm 2011 đến năm 2018 anh T đánh chị ba lần rất nặng, thừa sống thiếu chết hàng xóm phải can ngăn, do thương con còn nhỏ nên chị không kiện việc anh T đánh chị ra công an để răn đe anh T mà tha thứ cho anh để các con có đủ bố, mẹ. Chị đã nhiều lần nói chuyện với bố mẹ và anh chị em trong gia đình chị về việc muốn ly hôn với anh T và mong gia đình chị ủng hộ cho chị ly hôn nhưng bố mẹ chị thương các cháu nên khuyên giải chị nhẫn nhịn và không muốn chị ly hôn. Bố mẹ chồng chị biết việc anh T vũ phu và ham chơi nên cũng khuyên chị suy nghĩ, nhẫn nhịn mọi việc vì các con, ông bà nói cũng rất buồn vì không khuyên bảo được anh T. Từ khi kết hôn năm 2003 cho đến nay, anh T không lo làm ăn mà thường xuyên vắng nhà, đi chơi dài ngày mà không ai biết đi đâu, không bao giờ nói cho chị biết đi đâu, làm gì và đi với ai. Anh T vắng nhà thường xuyên nhưng nếu chị có nói đi đâu làm gì phải báo cho vợ biết thì bị anh mắng chửi thậm tệ, kinh tế gia đình do một mình chị gánh vác. Năm 2020 thì anh T bỏ chị và các con đi ở chỗ khác, thỉnh thoảng có về nhà nhưng không ai nói chuyện với ai. Anh T chuyển đi nơi khác có gọi điện hỏi thăm các con nhưng không nói chuyện với chị. Theo chị tìm hiểu thì anh T hiện có người phụ nữ khác và cả hai chung sống như vợ chồng. Thực tế, chị cũng sống ly thân với anh T từ năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, ai muốn làm gì thì làm. Chị đã nói với anh T cả hai không còn tình cảm, anh đã có người khác thì thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống nhưng anh không đồng ý. Qua bố mẹ chồng chị nói chuyện lại thì anh T biết chị làm đơn ly hôn đến Tòa án nhưng anh bảo kệ, muốn làm gì thì làm, anh sẽ không đến Tòa án. Việc anh T sống ly thân, có người phụ nữ khác nhưng không đồng ý thuận tình ly hôn là muốn gây khó khăn cho chị trong việc ly hôn nên đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Anh D, sinh ngày 28/10/2003 và cháu Vũ D1 D1, sinh ngày 09/02/2009. Ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu D1, không yêu cầu anh T phải đóng góp nuôi con. Cháu Vũ Anh D đã đủ 18 tuổi nên cháu ở với ai do cháu tự quyết định.

- Về tài sản chung (động sản; bất động sản) và công nợ chung: Chị C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì. Ngoài những yêu cầu trên chị C không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

*\* Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ:*

- Ngày 20/10/2023 Tòa án nhân dân quận Long Biên lập biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị C và anh Vũ Quốc T tại tổ dân phố số 1, phường Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội thì được ông Âu Đức Nền tổ trưởng tổ dân phố xác nhận chị C và anh T có đăng ký kết hôn và sau khi kết anh chị về ở tại tổ 1, phường Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội. Quá trình chung sống tại địa phương anh chị có xảy ra mâu thuẫn, cụ thể về vấn đề gì thì tổ dân phố không nắm được vì anh chị không nhờ tổ dân phố hoà giải. Anh chị có 02 con chung là

cháu Vũ Anh D và cháu Vũ D1 D1. Việc anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho hai cháu khi bố mẹ ly hôn.

- Tại biên bản ghi ý kiến ngày 05/02/2024 bà Kiều Thị Nhạn mẹ đẻ chị C cho Tòa án biết: khoảng đầu năm 2003 gia đình bà tổ chức cưới cho chị C và anh T, anh chị về ở tại địa chỉ tổ 1, phường Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được khoảng 2 năm đầu, sau đó anh T không chịu làm ăn, rất mải chơi nên anh chị hay có mâu thuẫn, chị C đã về Hưng Yên ở với bà một thời gian cho đến khi sinh cháu thứ hai thì chị chuyển về Hà Nội ở cùng anh T. Quá trình chung sống, anh T không lo làm ăn, thường xuyên đi xa dài ngày mới về nên anh chị hay cãi vã. Anh T cầm cố đất của con gái lớn bà sau không có tiền trả nên anh chị đã cãi nhau và chị C đòi ly hôn. Do thương các cháu còn nhỏ nên bà không đồng ý cho chị C ly hôn. Tuy nhiên quá trình anh chị chung sống anh T không thay đổi, nhiều lần đánh chị C phải nhập viện. Bà đã khuyên anh T cũng như nói chuyện với gia đình thông gia khuyên bảo anh nhưng không được. Sau này anh T đã bỏ nhà đi ở cùng người phụ nữ khác, không chăm sóc con cái. Chị C sống rất vất vả, nếu anh chị không còn tình cảm với nhau thì chị C muốn ly hôn để ổn định cuộc sống gia đình cũng đồng ý cho chị được giải thoát. Đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị C. Về con chung: Anh chị có 02 con chung; cháu D, sinh năm 2003 đã trên 18 tuổi nên cháu tự quyết định còn cháu bé là cháu Vũ D1 D1 chưa đủ 18 tuổi nên ở với mẹ vì cháu là con gái và từ xưa đến nay vẫn do chị C chăm sóc nuôi dưỡng, anh T tuy là bố nhưng không kiếm tiền nuôi con và chăm sóc các con. Về tài sản và nhà ở chung và công nợ chung: bà không biết, không có ý kiến.

- Tại đơn ý kiến của gia đình ngày 05/02/2024 ông Vũ Quý Chung bố đẻ anh T cho Tòa án biết: Ông là Vũ Quý Chung bố đẻ anh Vũ Quốc Chung và con dâu Nguyễn Thị C, hiện ông đang sinh sống tại xóm 4, thôn Lê Lợi 2, xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Chị C và anh T được gia đình tôi tổ chức cưới cho năm 2003, nay vì lý do không hợp nhau con dâu Nguyễn Thị C có đơn xin ly hôn anh T, gia đình viết đơn này thuận theo ý kiến chị C.

- Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Vũ D1 D1 là con của chị C anh T có nguyện vọng được ở với mẹ.

**Tại phiên tòa hôm nay:**

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Quốc T và giữ nguyên những yêu cầu đã trình bày.

- Bị đơn anh Vũ Quốc T vắng mặt tại phiên tòa.

\* *Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ.

- Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết việc ly hôn, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 21, 28, 35, 39, 147, 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C đối với anh Vũ Quốc T; Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Anh D, sinh ngày 28/10/2003 và cháu Vũ D1 D1, sinh ngày 09/02/2009. Giao cháu Nguyễn Vũ D1 D1 cho chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Cháu Vũ Anh D đã trên 18 tuổi nên việc cháu ở với ai do cháu tự quyết định. Do chị C không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con chung nên không xem xét xét; Về tài sản, nhà đất ở, công nợ chung: Chị C khai anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên không xem xét; về án phí ly hôn sơ thẩm: chị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh Vũ Quốc T. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Vũ Quốc T có hộ khẩu thường trú và hiện ở tại: tổ 1 phường Việt Hưng, quận Long Biên, Hà Nội, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C có mặt, bị đơn là anh Vũ Quốc T vắng mặt. Đối với anh T, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án từ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy báo đến Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (2 lần); quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, song anh T vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Về tình cảm: Chị C và anh Đông kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/04/2003 (Giấy chứng nhận kết hôn số 16 quyền số 02) tại UBND xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị C và anh T chỉ chung sống hạnh phúc, hòa thuận được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn, kinh tế do chị C một mình làm ra để tự trang trải cuộc sống gia đình. Đầu năm 2020 anh chị đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay, cả hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, ai muốn làm gì thì làm. Chị C xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể

giải quyết được, không có khả năng đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, nên chi kiên quyết xin ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Thực tế hôn nhân của anh chị đã không tồn tại từ đầu năm 2020 khi anh chị sống ly thân cho đến nay, anh chị sống mỗi người một nơi nhưng anh T không tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa. Cả hai anh chị không còn liên hệ với nhau về mặt tình cảm, không có trao đổi về việc nuôi dạy con cái, anh T cũng không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, do vậy chị C cương quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Do cuộc sống chung vợ chồng giữa chị C và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Nguyễn Thị C có yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Quốc T là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Anh D, sinh ngày 28/10/2003 và cháu Vũ D1 D1, sinh ngày 09/02/2009. Ly hôn, chị C muốn được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung là cháu Vũ D1 D1, không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Do chị C không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con chung nên không xem xét xét.

Cháu Vũ Anh D đã trên 18 tuổi nên việc cháu ở với ai do cháu tự quyết định.

Hội đồng xét xử nhận thấy từ đầu năm 2020 chị C, anh T đã sống ly thân, chị C và hai cháu Vũ Anh D và Vũ D1 D1 dọn đi ở chỗ khác tại số 9, ngõ 9 Ô Cách, phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội ở còn anh T cũng chuyển đi ở đâu không rõ, hai cháu D và D1 con của anh chị sống chung cùng mẹ vẫn phát triển ổn định về tinh thần và thể chất. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống và đảm bảo cho con chung của anh chị có đời sống tinh thần, điều kiện vật chất cũng như đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện một cách tốt nhất nên chấp nhận yêu cầu của chị C, tiếp tục giao cháu Vũ D1 D1 (nữ), sinh ngày 09/02/2009 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh T phải đóng góp nuôi con là hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đồng thời cũng phù hợp với thực trạng của cháu.

Cháu Vũ Anh D đã trên 18 tuổi nên việc cháu ở với ai do cháu tự quyết định, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Vũ Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu anh T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh T theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản, nhà ở, đất ở chung: Chị C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau ly hôn chị C tự lo nơi ở khác cho mình.

- Về công nợ chung: Chị C khai không nợ ai, không ai nợ anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên!*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:**

- Các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014
- Điều 28, 35, 39, 147, 192, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Vũ Quốc T.
2. Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thị C và anh Vũ Quốc T có 02 con chung là cháu Vũ Anh D, sinh ngày 28/10/2003 và cháu Vũ D1 D1, sinh ngày 09/02/2009. Giao cháu Vũ D1 D1, sinh ngày 09/02/2009 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, kể từ tháng 05 năm 2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Cháu Vũ Anh D đã trên 18 tuổi nên việc cháu ở với ai do cháu tự quyết định.

Anh Vũ Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Yến có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh T nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: (gồm động sản và bất động sản): Chị C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Tòa án không xem xét.

4. Về công nợ chung: Chị C khai anh chị không nợ ai và không ai vay nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải nộp **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018379 ngày 25/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Anh Vũ Quốc T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên
- UBND phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

